TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 04/3/2019.
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lành;
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thị Cảnh;
2. Bà Vi Thị Tỵ.

-*Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lê là Thư ký Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai

Trong ngày 04/3/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kbang, Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/ 2019/TLST- HNGĐ ngày 11/01/ 2019 về: ***"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 20/ 02/ 2019. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Thanh H**, sinh năm 1973;
- Bị đơn: Anh **Trần Văn B**, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Làng K, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai.
Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Trương Thị Thanh H trình bày:
Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn B qua thời gian quen biết tìm hiểu khoảng 2 năm thì tự nguyện về chung sống với nhau vào tháng 11/2011, cùng nhau xây dựng gia đình, sinh con chung, nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân là do chị và anh B đều không hiểu biết về pháp luật. Cho đến nay chị không đăng ký kết hôn với ai và cũng chưa đăng ký kết hôn với anh Trần Văn B.

Anh, chị chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn đến khoảng cuối năm 2013 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và từ khoảng năm 2016 cho đến nay thì mâu thuẫn trầm trọng hơn và không tự hòa giải được. Nguyên nhân chính là do anh, chị không hợp tính tình nhau, không có sự tin tưởng và đùm bọc yêu thương nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, thỉnh thoảng anh B uống rượu say về lại chửi bới, xúc phạm chị khiến cuộc sống vợ

chồng luôn căng thẳng. Nay chị H xét thấy không còn yêu thương nhau, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trăn Văn B.

Về con chung: Chị H và anh B có 01 con chung tên Trần Văn Nguyên, sinh ngày 17/11/2013. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Nguyên cho đến khi con trưởng thành, có khả năng lao động. Chị H không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị và anh B có tạo lập được một số tài sản chung nhưng nay anh, chị tự thỏa thuận giải quyết được với nhau nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh B không có nợ chung và không cho ai mượn nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh B và giữ nguyên quan điểm giải quyết đối với con chung, tài sản chung, nợ chung như chị đã trình bày.

Bị đơn anh Trần Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H qua thời gian quen biết tìm hiểu khoảng 2 năm thì tự nguyện về chung sống với nhau vào tháng 11/2011, cùng nhau xây dựng gia đình, sinh con chung, nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân là vì cả anh và chị đều không hiểu biết về pháp luật.

Quá trình chung sống với nhau, anh và chị H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nhỏ nhặt như những gia đình khác nhưng không đến mức trầm trọng như chị H trình bày. Anh vẫn còn tình cảm với chị H và thương con nên chị H yêu cầu xin được ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn. Anh đề nghị Tòa án cho anh và chị H được về đoàn tụ gia đình để cùng nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung tên Trần Văn N, sinh ngày 17/11/2013. Nếu chị H vẫn kiên quyết ly hôn với anh và được Tòa án chấp nhận thì anh cũng đồng ý giao con cho chị H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Nguyên cho đến khi con trưởng thành, có khả năng lao động. Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống anh và chị H có tạo lập được một số tài sản chung nhưng anh, chị sẽ tự thỏa thuận giải quyết được với nhau nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Quá trình chung sống anh và chị H không có nợ chung và không cho ai mượn nợ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh B vẫn có nguyện vọng xin được đoàn tụ gia đình và giữ nguyên quan điểm giải quyết đối với con chung, tài sản chung, nợ chung như anh đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Trương Thị Thanh H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giải quyết vụ án Hôn nhân & Gia đình giữa chị và anh Trần Văn B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thanh H và anh Trần Văn B tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quá trình chung sống với nhau, giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn và kéo dài, anh chị thường xuyên cãi vã và không thể tự hòa giải được, chị H xin được ly hôn với anh B, còn anh B xin được đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, vì hôn nhân của anh chị không hợp pháp nên HĐXX cần căn cứ vào quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ- QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội để tuyên bố quan hệ giữa chị H và anh B không được công nhận là vợ chồng.

]3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung:

Về con chung: Hai đương sự có 01 con chung tên Trần Văn N, sinh ngày 17/11/2013. Chị H và anh B đều có nguyện vọng giao co chung cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, có khả năng lao động. Xét về nguyện vọng của các đương sự, khả năng và điều kiện của người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, thì HĐXX thấy rằng: Chị H có điều kiện về mọi mặt, đảm bảo cho việc nuôi dạy con và hiện cháu Nguyên còn nhỏ tuổi nên cần sự chăm sóc của mẹ sẽ tốt hơn nên HĐXX xét cần giao cháu Trần Văn N cho chị H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyên trưởng thành, có khả năng lao động. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do chị H không yêu cầu nên anh B không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống hai đương sự có tạo lập được một số tài sản chung nhưng anh, chị tự thỏa thuận giải quyết được với nhau nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống hai đương sự không có nợ chung và không cho ai mượn nợ nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí Ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trương Thị Thanh H phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ- QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội;

- Căn cứ vào các Điều 14, 15, 58, 71, 72, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 144, 147, 238, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Trương Thị Thanh H và anh Trần Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Văn N, sinh ngày 17/11/2013 cho chị Trương Thị Thanh H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động. Anh Trần Văn B không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Trương Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0006741 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang. Chị H đã nộp đủ án phí Ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-TA tỉnh;
-VKS Kbang;
-THA Kbang;
-Các đương sự;
-UBND cấp xã nơi ĐKKH;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐỖ THỊ LÀNH

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CTPT

ĐỖ THỊ LÀNH